TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 339/2022/DS-PT
Ngày: 01-08-2022
"V/v tranh chấp dân sự-
Hợp đồng mua bán; nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;
Ông Lê Khắc Thịnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 05 năm 2022 về "*Tranh chấp dân sự- hợp đồng mua bán tài sản, nợ hụi*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 18 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 227/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 98, Quốc lộ 30, tổ 20, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 7/20, L, Tp H, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Số 115, P, phường Đ, Thành Phố H, tỉnh T;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 63, đường N, tổ 2, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1967, địa chỉ: 171, N, tổ 66, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2021, đơn bổ sung chứng cứ và trình bày ý kiến đề ngày 07/6/2021, đơn trình bày ý kiến đề ngày 09/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thu H trình bày:*

Từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2018, bà H có bán thịt bò cho bà T1, mỗi lần giao nhận có xác định giá trị tiền thịt đã giao và tiền mua thịt đã trả, có gối đầu. Bà T1 có viết biên nhận xác định còn nợ bà H tổng số tiền thịt chưa trả là 547.000.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Bà T1 cam kết mỗi ngày trả 1.000.000đ nhưng đến nay bà T1 vẫn chưa trả cho bà H.

Ngoài số tiền nợ nêu trên, bà T1 có hốt hụi và hiện nay còn nợ bà H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bà T1 có hứa mỗi ngày trả 5.000.000đ, có viết giấy nợ nhưng đến nay bà T1 vẫn không thực hiện.

Nay bà Lê Thu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền mua thịt bò còn thiếu là 547.000.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và số tiền nợ hụi là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn T đại diện cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ thịt là 450.000.000đ theo sự thừa nhận của bị đơn tại văn bản ý kiến của bị đơn đề ngày 05/7/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn nhận thấy hoàn cảnh bị đơn đang gặp khó khăn nên yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền mua thịt còn thiếu là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi; bà Hrút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T1 trả số tiền nợ hụi là 100.000.000đ.

** Tại văn bản ý kiến đề ngày 05/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/02/2022, ông Nguyễn Thanh H1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T1 không thống nhất trả cho bà Lê Thu H số tiền mua thịt bò còn thiếu là 547.000.000đ. Bởi lẽ, bà T1 chỉ nợ bà H số tiền mua thịt là 450.000.000đ, có biên nhận nợ, biên nhận do cháu bà H là Võ Thị Hồng N viết tay, do bà T1 không biết chữ nên không ký tên và cũng không lăn tay xác nhận trên giấy nợ, chỉ có ký chữ thập, hiện nay giấy nhận nợ bà Hđang giữ.

Từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2018, bà H có bán thịt bò cho bà T1, mỗi lần giao nhận có xác định giá trị tiền thịt đã giao và tiền mua thịt đã trả, có gối đầu, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà T1 góp thêm cho bà H 500.000đ, bà T1 trả được 109.000.000đ, việc góp tiền không có giấy tờ ghi nhận. Hơn một năm nay, do công việc buôn bán của bà T1 gặp khó khăn nên hai bên thống nhất mỗi ngày bà T1 góp 200.000đ. Bà T1 đã trả thêm cho bà H số tiền 120.000.000đ, có ngày không bán được thịt, không có tiền gửi bà H thì bà Hcó lấy thịt trừ tiền. Hiện nay, bà T1 còn nợ bà H số tiền mua thịt là 221.000.000đ.

Đối với số tiền nợ hụi 100.000.000đ bà Hyêu cầu bà T1 trả thì bà T1 không thống nhất do bà T1 không có chơi hụi với bà Hvà cũng không nhận 100.000.000đ như lời trình bày của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/02/2022, ông Nguyễn Thanh H1 đại diện cho bị đơn xác nhận chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền mua thịt còn nợ là 221.000.000đ, đồng ý đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu về tiền nợ hụi.

** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ hụi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền mua thịt còn thiếu là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Lê Thu H số tiền mua thịt còn thiếu là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ, tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, Bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Tuy nhiên, phía nguyên đơn có ý kiến như sau: tại phiên tòa hôm nay, nếu bị đơn đồng ý rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo thì phía nguyên đơn đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho bị đơn.

- Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý với việc thỏa thuận của nguyên đơn tại phiên tòa và đồng ý rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Lê Thu H đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 về việc đòi lại số tiền mua bán thịt bò còn nợ và tiền nợ hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự- hợp đồng mua bán tài sản và nợ hụi" là phù hợp với quy định khoản 3 tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T1 là bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Hyêu cầu bà T1 trả số tiền mua thịt còn nợ là 400.000.000đ; nếu bà T1 rút yêu cầu kháng cáo thì bà Hđồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà T1; Theo đó, người đại diện theo ủy quyền của bà T1 thống nhất với yêu cầu của bên bà H; đồng ý rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận này và sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Do sửa án sơ thẩm nên bà T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, Điều 300; khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1;

2. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 18/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C; Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

*** Tuyên xử:**

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ hụi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thụ Hồng và bà Nguyễn Thị T1 về số tiền nợ mua bán thịt còn nợ; cụ thể như sau:

+ Bà Lê Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền mua thịt còn nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị T1 đồng ý trả cho bà Lê Thu H số tiền mua thịt còn nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thu H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.940.000đ (Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0015597 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà H còn phải nộp tiếp là 5.060.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm; Hoàn trả cho bà T1 số tiền là 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005594 ngày 26/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh